



TRUNG TÂM TƯ VẤN
VÀ HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP

GIÁ CẢ NÔNG SẢN

CHỢ TAM BÌNH - THỦ ĐỨC (Ngày 05/10/2018)

STT	Tên sản phẩm	Giá cả thị trường (VNĐ/kg)
I	Rau lá, củ quả	
1	Cải thảo	12.000
2	Xà lách búp	22.000
3	Cải bắp tròn	7.000
4	Cải ngọt	13.000
5	Cải bẹ xanh	18.000
6	Rau muống nước	21.000
7	Rau muống hạt	8.000
8	Cải thìa	9.000
9	Rau quế	15.000
10	Bầu	7.000
11	Su su	3.000
12	Khoai lang bí	5.000
13	Cà chua	15.000
14	Bông cải xanh	45.000
15	Cà rốt	18.000
16	Củ cải trắng	5.000
17	Su hào	7.000
18	Đậu hà lan	70.000
19	Đậu cove trắng	12.000
20	Khoai tây hồng	24.000
21	Bí đỏ	6.000
22	Bí xanh	7.000
23	Khổ qua	10.000
24	Dưa leo	8.000
25	Đậu bắp	9.000
26	Cà tím	6.000

27	Ớt cay Batri	16.000
28	Chanh giấy	14.000
29	Tỏi	90.000
30	Hành lá (hành hương)	17.000
31	Ngò rí	30.000
32	Rau dền	10.000
II	Trái cây	
1	Cam sành	12.000
2	Cam xoan	23.000
3	Quýt đường	30.000
4	Quýt tiêu	
5	Bưởi da xanh	40.000
6	Bưởi năm roi	24.000
7	Xoài Đài Loan	13.000
8	Xoài cát Hòa Lộc	70.000
9	Xoài ghép	13.000
10	Xoài cát chu	23.000
11	Táo xanh	13.000
12	Dưa hấu dài đỏ	8.000
13	Dưa hấu sọc	8.000
14	Nho đỏ Phan Rang	18.000
15	Thanh Long Bình Thuận	15.000
16	Thanh Long Long An	15.000
17	Đu đủ	10.000
18	Chôm chôm thái	34.000
19	Chôm chôm nhãn	18.000
20	Mãng cầu tròn	35.000
21	Nhãn huế	12.000
22	Nhãn xùong	55.000
26	Lồng mứt	20.000